TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117**/2022/HS-ST
Ngày: 25-11-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan, ông Nguyễn Văn Được.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Đăng - Kiểm sát viên

Trong các ngày 22 và 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đối với bị cáo:

1.Họ và tên: **Trần Văn Hoàng G**, sinh năm: 1994, tại Bình Phước; Tên gọi khác: Đen; Nơi cư trú: Khu phố Phước Thọ, phường N, thành phố Đ, Bình Phước. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình Hoàng – sinh năm 1963 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim Chi - sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2022 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2.Họ và tên: **Lê Văn H**, sinh năm: 1999; tại Bình Phước; Tên gọi khác: Chó; Nơi cư trú: Khu phố Phước Thọ, phường N, thành phố Đ, Bình Phước. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ánh (đã chết) và bà Cao Thị Sương - sinh năm 1969; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2022 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

3.Họ và tên: **Bùi Văn T**, sinh năm: 1989; tại Bình Phước; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp 4, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, Bình Phước. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn Hiền – sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Như - sinh năm 1964; Bị cáo có vợ Lê

Thị Nhung (chết năm 2018).; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2022 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

4.Họ và tên: **Trần Đức P**, sinh năm: 1994; tại Bình Phước; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu phố Phước Thọ, phường N, thành phố Đ, Bình Phước. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức Đến và bà Lê Thị Bê - sinh năm 1957; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2022 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Phạm Văn Sơn, sinh năm 1990. Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 9, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Phạm Văn Tuấn – sinh năm 1994. Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 8, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

** Người làm chứng:*

- Nguyễn Xuân Tiếm - Sinh năm 1972.

Trú tại: Khu phố Phước Thọ, phường N, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Nguyễn Văn Tấn – sinh năm 1952

Trú tại: Khu phố Phước Hòa, phường N, thành phố Đ, Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 25/7/2022 Trần Văn Hoàng G đi đến nhà Lê Văn H tại khu phố Phước Thọ, phường N, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thì gặp Bùi Văn T cũng đang ở nhà H; một lúc sau có thêm Trần Đức P cũng đến nhà H nhưng H không có nhà nên G, T, P ngồi chơi được khoảng 30 phút sau thì H đi làm về. Sau đó, G, H, P và Tngồi chơi tại nhà của H đến khoảng 08 giờ cùng ngày thì Giang có như cầu sử dụng ma túy nên nói với H, P, T cùng nhau góp tiền để mua ma túy đá về sử dụng thì tất cả đồng ý và ai có bao nhiêu thì góp bấy nhiêu. Lúc này, G góp 200.000 đồng, H góp 200.000 đồng, Phúc và Thắng mỗi người góp 100.000 đồng, được tổng cộng 600.000 đồng và Giang cầm số tiền này. Do Giang biết chỗ mua ma túy nên Giang mượn điện thoại màu xanh tím của H để liên lạc mua ma túy thì H đồng ý, Giang lấy điện thoại của H gọi cho một người phụ nữ tên Yến (không rõ lai lịch) để hỏi mua 600.000 đồng ma túy đá thì Yến đồng ý bán và hẹn gặp tại khu vực ngã tư Sóc Miên thuộc phường N, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để giao nhận ma túy và tiền thì G đồng ý. Lúc này, G mượn xe mô tô nhãn hiệu Exciter biển số 93M1-089.05 của T nói đi mua ma túy thì Thắng đồng ý. Giang điều khiển xe trên đến nơi hẹn và gọi điện thoại cho Yến thì Yến nói G đứng đợi. Khoảng 15 phút sau thì Yến điều khiển xe mô tô SH (không rõ biển số) đến gặp Giang. Do có thỏa thuận từ trước nên khi gặp nhau G đưa cho Yến số tiền 600.000 đồng thì Yến chỉ về phía trước và nói ma túy bỏ trong vỏ bao thuốc JET thì G đi đến lấy được một vỏ bao thuốc lá JET bên lề đường, khi G mở ra thì bên trong vỏ bao thuốc lá có 01 bọc ma túy đá. Sau khi

bán ma túy cho G thì Yến bỏ đi đâu không rõ, còn G lấy gói ma túy vừa mua được từ Yến cất giấu vào túi quần trước bên trái đang mặc, còn vỏ bao thuốc lá JET thì G vứt ở bên đường rồi G điều khiển xe đi về lại nhà của H. Đến 09 giờ 00 phút cùng ngày, khi G, H, Phúc, Thắng đang ở tại căn bếp của nhà H thì bị lực lược công an thành phố Đ kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện trong túi quần phía trước mà Giang đang mặc bên trong có 01 bọc nylon miệng kéo dính, kích thước (07x04)cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng. G, H, P và T khai nhận tinh thể màu trắng là ma túy dạng đá do các bị cáo góp tiền mua về để cùng nhau sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Kết luận giám định số 170/KL (MT)-KTHS ngày 01/8/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Tinh thể màu trắng (ký hiệu M) có trong 01 túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại methephetamine, có khối lượng là 0,7725 gam.

Tại Bản cáo trạng số: 118/CT-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo Trần Văn Hoàng G, Lê Văn H, Trần Đức P và Bùi Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Hoàng G mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đức P mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Các bị cáo tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 118/CT-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, ngày 25/7/2022 Trần Văn Hoàng G rủ Lê Văn H, Bùi Văn T, Trần Đức P góp tiền mua ma túy về sử dụng, Giang góp 200.000 đồng, H góp 200.000 đồng, Phúc và Thắng mỗi người góp 100.000 đồng. Sau đó Giang đi gặp một người phụ nữ tên Yến tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước mua 600.000 đồng tiền ma túy được 01 gói ma túy Giang cất giữ ở túi quần của mình mang về nhà H để cùng nhau sử dụng, khi chưa kịp sử dụng thì bị lực lượng công an kiểm tra hành chính bắt quả tang, thu giữ 0,7725gam Methaphetamine. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, mà còn gây tác hại lớn về nhiều mặt xã hội, ảnh hưởng cho sức khỏe con người. Đồng thời là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm nguy hiểm khác như giết người, cướp tài sản… để có tiền sử dụng ma túy. Do đó, cần phải xét xử các bị cáo một mức án nghiêm để răn đe, giáo dục và làm tốt công tác phòng chống ma túy.

Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm, đồng phạm giản đơn, bị cáo Giang là người khởi xướng, trực tiếp đi mua ma túy về nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn các bị cáo khác trong vụ án; các bị cáo H, Thắng, Phúc tham gia vụ án là người giúp sức cùng nhau góp tiền để mua ma túy cất giữ để sử dụng, có vai trò thứ yếu trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Bùi Văn T, Trần Đức P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do có người thân là người có công với cách mạng.

[5] Đối với người phụ nữ tên Yến bán ma túy cho G, không rõ nhân thân, lai lịch, cơ quan cảnh sát điều tra đang xác minh, làm rõ sẽ xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 bì thư ký hiệu 170 ngày 25/7/2022 đựng ma túy còn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong, vật chứng này thu giữ của các bị cáo là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím-xanh của bị cáo H dùng để gọi mua ma túy nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ, 01 căn cước công dân tên Bùi Văn T thu giữ của bị cáo Thắng không liên quan nên trả lại cho bị cáo Thắng.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh của bị cáo Phúc không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

-01 xe mô tô biển số 93M1-089.05 của anh Phạm Văn Sơn, khi cho mượn xe anh Sơn không biết việc các bị cáo sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định nên không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Trần Văn Hoàng G, Lê Văn H, Trần Đức P, Bùi Văn T** phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Hoàng G **01** (Một) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 25/7/2022.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H **01** (Một) năm **03** (Ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 25/7/2022.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đức P **01** (Một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 25/7/2022.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T **01** (Một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 25/7/2022.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư ký hiệu 170 ngày 25/7/2022 đựng ma túy còn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước niêm phong đóng dấu.

- Tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu tím -xanh của bị cáo H.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Bùi Văn T: 01 căn cước công dân tên Bùi Văn T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đỏ.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Trần Đức P 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ theo biên bản giao nhận vật chứng số 0002048; quyển số 0041 ngày 21/11/2022 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

<u>Nơi nhận</u>:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hoàng Long